

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-PT

Ngày 24-01-2022

V/v chia tài sản chung của vợ chồng
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Minh Hạnh

Bà Trần Thị Vân Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thuý Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số **93/2021/HNGDD-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AD**, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **359/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2021**, Quyết định hoãn phiên tòa số **379/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2021**, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Kim Đ, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 60/560 Thiên Lô, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Kim D, sinh năm 1991; ĐKTT: Xóm 8, thôn Nhất Trí, xã Đặng Cương, huyện AD, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Xóm Thượng, xã An Hưng, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Đỗ Thị Kim D

NỘI D V VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dư Hàng kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng từ năm 2009. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 424/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/11/2020 đã quyết định: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị D. Về con chung giao con chung Đặng Hoàng Anh, sinh ngày 21/9/2010 cho anh nuôi dưỡng, giao con chung Đặng Minh Vương, sinh ngày 16/3/2012 cho chị D nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên sau khi ly hôn hai người không thể tự thỏa thuận được nên anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn.

- Tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân gồm: Diện tích đất 179m² thửa số 911A, tờ bản đồ 11 thôn Nhất Trí, xã Đặng Cương, huyện AD. Nguồn gốc diện tích đất là của bố mẹ đẻ chị D, ông Đỗ Đình Dũng và bà Nguyễn Thị Tuyền mua với giá 150.000.000đ có giấy tờ viết tay vào ngày 21/6/2010. Anh và chị D đã trả được cho ông Dũng bà Tuyền số tiền 60.000.000đ. Số tiền 60.000.000đ để trả trước cho ông Dũng là tiền bố đẻ anh cho riêng anh. Số tiền còn lại 90.000.000đ anh và chị D đã trả thành nhiều lần và đã hết số tiền trên nhưng không viết giấy biên nhận tiền. Đến ngày 24/01/2015 anh và ông Dũng đã thỏa thuận làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Sau đó anh và chị D đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện AD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/7/2015 đứng tên Đặng Kim Đ và Đỗ Thị Kim D. Anh xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân anh và chị D là diện tích đất 179m² thửa số 911A, tờ bản đồ 11 thôn Nhất Trí, xã Đặng Cương, huyện AD. Trên đất có cây cối và 02 đoạn tường bao. Anh đề nghị Tòa án chia cho anh được hưởng 60% đối với giá trị tài sản vì công sức đóng góp tiền để mua đất là của anh nhiều hơn của chị D. Cây cối hoa màu trên đất và 02 đoạn tường bao, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước đây anh có yêu cầu chị D phải trả anh số tiền chị D vay là 50 triệu đồng nhưng nay anh tự nguyện rút yêu cầu chị D phải trả số tiền 50 triệu đồng.

Đối với bị đơn chị Đỗ Thị Kim D, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị D đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm.

Tại Bản án số 93/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 213, 219 Bộ luật dân sự 2015; Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chia cho anh Đặng Kim Đ quản lý sử dụng diện tích 100m^2 trong tổng diện tích $178,6\text{m}^2$ thửa số 911A, tờ bản đồ 11 thôn Nhất Trí, xã Đặng Cương, huyện AD, có vị trí kích thước cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp hộ ông Dũng từ mốc số 01 đến mốc số 02 dài 18,50m;

Phía Đông giáp phần đất chia cho chị D từ mốc số 02 đến mốc số 08 dài 5,33m;

Phía Nam giáp hộ ông Nam từ mốc số 08 đến mốc số 09 dài 5,50m;

Phía Tây giáp đường từ mốc số 01 đến mốc 09 dài 5,50m

Trị giá: $100\text{m}^2 \times 8.000.000\text{đ} = 800.000.000\text{đ}$.

(có sơ đồ kèm theo)

Chia cho chị Đỗ Thị Kim D quản lý sử dụng diện tích $78,6\text{m}^2$ có vị trí kích thước cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp hộ ông Dũng từ mốc số 02 đến mốc 06 dài 6,81m;

Phía Đông giáp rãnh thoát nước từ mốc số 06 đến mốc 07 dài 5,25m;

Phía Nam giáp hộ ông Nam từ mốc số 07 đến mốc 08 dài 15,40m;

Phía Tây giáp phần đất chia cho anh Đ từ mốc số 02 đến mốc số 08 dài 5,33m.

Trị giá: $78,6\text{m}^2 \times 8.000.000\text{đ} = 628.800.000\text{đ}$

Anh Đ chị D thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với phần đất được chia tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chị D phải trả anh Đ 50.000.000 đồng do anh Đ đã rút yêu cầu.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 10 năm 2021, chị Đỗ Thị Kim D có đơn kháng cáo với nội D đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chia đều phần tài sản cho hai vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn trình bày: Toà án cấp sơ thẩm phân chia cho anh Đ diện tích đất nhiều hơn là không có căn cứ. Bởi lẽ, nguồn gốc đất là của bố mẹ chị, chị và anh Đ mua với giá 150.000.000 đồng. Thời điểm đó anh Đ có 60.000.000 đồng là của bố anh Đ cho, còn 90.000.000 đồng là của chị đi chợ,

buôn bán có được. Sau đó bố mẹ chị lập hợp đồng tặng cho vợ chồng chị. Tại thời điểm đó, có người trả bố mẹ chị 400.000.000 đồng diện tích đất trên, nhưng chị nói bố mẹ để lại cho vợ chồng chị. Sau khi đi Nhật về, chị có khoản tiền 400.000.000 đồng, chị có vay mượn thêm để mua một diện tích đất chỗ khác. Tuy nhiên, diện tích đất này anh Đ xác nhận là tài sản riêng của chị. Đề nghị Toà án chia đôi diện tích đất là tài sản chung của vợ chồng và chị được nhận phần đất mặt đường.

Nguyên đơn trình bày, nguồn tiền mua đất là của bố anh cho anh 60.000.000 đồng, còn 90.000.000 đồng là tiền vợ chồng làm ăn, buôn bán có được. Việc bố mẹ chị D lập hợp đồng tặng cho là để thuận tiện về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm đó chị D nói có người trả 400.000.000 đồng diện tích đất là bao gồm cả diện tích đất của bố mẹ chị D. Chị D đi Nhật về đòi ly hôn anh và sau đó lấy chồng. Như vậy, về công sức đóng góp thì anh Đ là người đóng góp để mua đất nhiều hơn chị D. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D: Về nguồn gốc thửa đất là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Anh Đ, chị D nhận chuyển nhượng của bố mẹ để chị D với giá 150.000.000 đồng. Anh Đ bỏ ra số tiền riêng là 60.000.000 đồng để trả tiền mua đất. Xét về công sức đóng góp vào khối tài sản chung của anh Đ lớn hơn so với chị D, nên cần thiết cho anh Đ được hưởng phần tài sản có giá trị nhiều hơn chị D. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tính công sức cho anh Đ được nhận phần hơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị D. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- *Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Đỗ Thị Kim D có nơi cư trú tại huyện AD, Tòa án nhân dân huyện AD xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử phúc thẩm.

- *Về nội D:* Xét kháng cáo của chị Đỗ Thị Kim D đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia đều phần tài sản chung cho hai vợ chồng:

[2] Về nguồn gốc tài sản chung: Nguyên đơn anh Đặng Kim Đ yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng diện tích 176m² đất tại thửa số 911A, tờ bản đồ 11 thôn Nhất Trí, xã Đặng Cương, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Chị D cũng có quan điểm tại giai đoạn phúc thẩm công nhận quyền sử dụng diện tích đất này là tài sản chung vợ chồng của anh Đ và chị D. Nguồn gốc diện tích đất cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là nhận chuyển nhượng của bố mẹ của chị Đỗ Thị Kim D là ông Đỗ Đình Dũng và bà Nguyễn Thị Tuyền với giá 150.000.000 đồng. Điều này cũng được thể hiện trong Giấy mua bán đất viết tay ngày 21 tháng 6 năm 2010 có chữ ký của ông Dũng, bà Tuyền, anh Đ và chị D. Như vậy, có đủ căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp là tài sản chung của anh Đ và chị D nhận chuyển nhượng từ bố mẹ chị D là ông Dũng và bà Tuyền.

[3] Xét về công sức đóng góp vào tài sản chung: Nguồn tiền để mua diện tích đất trên theo anh Đ trình bày là có 60.000.000 đồng bố anh cho anh trước khi kết hôn, bố anh Đ cũng khẳng định đây là tiền cho anh Đ. Đối với khoản tiền 90.000.000 đồng đồng, chị D cho rằng là tiền riêng của chị làm ăn tích góp được, song chị không có tài liệu chứng cứ chứng minh là tài sản riêng của chị. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình, có đủ căn cứ xác định khoản tiền này là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập chị D nhiều lần, song chị D không đến Tòa án để cung cấp lời khai và vắng mặt tại phiên tòa, như vậy chị đã vi phạm nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D khai nhận, sau khi đi Nhật về chị có khoản tiền là 400.000.000 đồng, sau đó chị có vay mượn thêm để mua một diện tích đất khác đứng tên một mình chị. Tại thời điểm này chị và anh Đ chưa ly hôn, anh Đ không yêu cầu phân chia khoản tiền này. Đối với quan điểm của chị D cho rằng tại thời điểm bố mẹ chị lập hợp đồng tặng cho đất thì giá đất khoảng 400.000.000 đồng, tuy nhiên chị không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đánh giá công sức của anh Đ nhiều hơn chị D và phân chia diện tích đất cho anh Đ nhiều hơn chị D là có căn cứ, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của cả hai bên.

[4] Từ phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự: Chị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 244, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 213, 219 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ **khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;**

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số **93/2021/HNGDD-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng;**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chia cho anh Đặng Kim Đ quản lý sử dụng diện tích 100m^2 trong tổng diện tích $178,6\text{m}^2$ thửa số 911A, tờ bản đồ 11 thôn Nhất Trí, xã Đặng Cương, huyện AD, có vị trí kích thước cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp hộ ông Dũng từ mốc số 01 đến mốc số 02 dài 18,50m;

Phía Đông giáp phần đất chia cho chị D từ mốc số 02 đến mốc số 08 dài 5,33m;

Phía Nam giáp hộ ông Nam từ mốc số 08 đến mốc số 09 dài 5,50m;

Phía Tây giáp đường từ mốc số 01 đến mốc 09 dài 5,50m

Trị giá: $100\text{m}^2 \times 8.000.000\text{đ} = 800.000.000$ đồng.

Chia cho chị Đỗ Thị Kim D quản lý sử dụng diện tích $78,6\text{m}^2$ có vị trí kích thước cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp hộ ông Dũng từ mốc số 02 đến mốc 06 dài 6,81m;

Phía Đông giáp rãnh thoát nước từ mốc số 06 đến mốc 07 dài 5,25m;

Phía Nam giáp hộ ông Nam từ mốc số 07 đến mốc 08 dài 15,40m;

Phía Tây giáp phần đất chia cho anh Đ từ mốc số 02 đến mốc số 08 dài 5,33m.

Trị giá: $78,6\text{m}^2 \times 8.000.000\text{đ} = 628.800.000\text{đ}$ (sáu trăm hai tám triệu tám trăm nghìn đồng)

Anh Đ chị D thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với phần đất được chia tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chị D phải trả anh Đ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) do anh Đ đã rút yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu 29.152.000đ án phí chia tài sản chung.

Anh Đ phải chịu 36.000.000đ (ba sáu triệu đồng) án phí chia tài sản chung. Anh Đ đã nộp số tiền 13.250.000đ (mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện AD theo biên lai số 0013002 ngày 15/01/2021. Anh Đ phải nộp tiếp 22.750.000đ (hai hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003990 ngày 27/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện AD, thành phố Hải Phòng, chị D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện AD;
- Chi cục THADS huyện AD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thị Thúy Hà